

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC NGHỊ SƠN
Số: 655/TM-BVNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghi Sơn, ngày 25 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua Vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn năm 2024” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Lê Thế Phiệt

- Chức vụ: Dược sĩ

- Số điện thoại: 02373.970.467

- Email: khoaduoc.bvkvgt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn – Tổ dân phố Xuân Hòa – Phường Hải Hòa – Thị xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

- Nhận qua email: khoaduoc.bvkvgt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h00 ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h ngày 08 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa

ST T	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Số lượng/K hối lượng	Ghi chú
1	Chế phẩm sát khuẩn tay phẫu	Lít	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 4% (kl/kl). pH nằm trong khoảng 5-8	56	

	thuật dùng trong y tế Asi-scrub				
2	Chế phẩm sát khuẩn tay dùng trong gia dụng và y tế Asirub	Lít	Thành phần chính: 75% Ethanol (tt/tt), Isopropyl Alcohol 8% (tt/tt), Chlorhexidine Digluconate 0,5%(tt/tt). pH nằm trong khoảng 5-7	82	
3	Dung dịch Oxy già	Chai	Hydrogen peroxide 3%, dùng ngoài da để sát khuẩn các vết thương, vết trầy xước, vết cắt nhỏ	56	
4	STERANIOS 2%	Lít	Thành phần: 2% Glutaraldehyde dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563	273	
5	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Lít	Dung dịch khử khuẩn bề mặt qua đường không khí chứa thành phần hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Dùng cho máy khử khuẩn di động. pH nằm trong khoảng 2-3	91	
6	CIDEZYME® Enzymatic Detergent	Chai	Hoạt chất enzyme Protease 0.5% kl/kl + chất tẩy rửa. Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn	59	
7	Băng bột bó	Cuộn	Băng bột bó rộng 10cm x dài 2,7m. Thời gian đông kết: 2 - 4 phút. Thạch cao: $\geq 92\%$. Gạc: 100% cotton .	602	
8	Miếng dán mi nhỏ	Miếng	Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng. Lớp film Polyurethane trong suốt: chống thấm nước Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng. Kích thước: 6cm x 7cm Tiêu chuẩn: ISO, CE	100	
9	Gạc thận nhân tạo	Cái	Thành phần : sợi cotton tẩy trắng, được giặt sạch. Mềm mại, độ thấm hút cao, không độc tố và không gây dị ứng. Mật độ 18-20 sợi/inch. Trọng lượng 25-30 grams/m ² . Không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Chứng nhận: ISO 9001 : 2015 ISO 13485: 2016	19 890	

10	Kim chọc dò gây tê tùy sống các cỡ	Cái	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng 2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm 4. Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, dock kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Công nghệ thép sản xuất tại Nhật Bản 7. Mã code theo màu sắc để chọn lựa 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1 367	
11	Kim gây tê đám rối Sitimuplex 5cm	Cái	Kim gây tê dùng cho kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh ngoại biên. Vật liệu: PVC, PP, EP, thép không gỉ, đồng, thiếc, đồng, PTFE (Polytetrafluoroethylene), Polyester. Vạch đánh dấu trên thân kim giúp xác định mức độ đâm kim, điều khiển được chủ động. Lớp phủ bên ngoài giúp kim trượt nhẹ nhàng qua các lớp mô. Thiết kế mặt vát 30 độ, tương thích với mọi loại máy kích thích thần kinh của B.Braun	7	
12	Kim chạy thận nhân tạo AVF	Cái	- Kim làm bằng thép không gỉ. - Kim có cánh định vị cánh xoay hoặc không xoay với màu xanh(16G), đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon giúp lấy ven dễ dàng, giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Mặt sau có lỗ backeye(duy trì dòng chảy liên tục). - 16G[1.65X25mm], 17G[1.47X25mm]. - Chiều dài kim : 25mm. - Chiều dài dây gắn với kim : 300mm. - Đường kính ngoài O.D: 5.5 đường kính trong I.D: 3.5. - Flow/ Rate: 200ml/min. - Có khóa chặn dòng tức thì khi trong trường hợp khẩn cấp. - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide).	16 900	
13	Dây truyền máu	Cái	1. Dây truyền máu 20 giọt/ml, dài 150cm, chất liệu PVC, Non-Pyrogen, trong suốt để quan sát. 2. Màng lọc siêu nhỏ, kích thước lỗ lọc 200um 3. Đường kính dây 3mm 4. Bộ dây chịu được áp lực 50Kpa, không rò rỉ khí 5. Bộ chỉnh giọt trơn, mượt, có móc để treo dây. 6. Có sẵn kim 18Gx1-1/2" 7. Tiệt trùng ETO, đạt chuẩn ISO 13485, CE	37	
14	Lọ nhựa đựng mẫu	Lọ	Nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết). Chưa tiệt trùng, có nhãn, dùng chứa bệnh phẩm, dung tích ≥50ml	1 430	

15	Canuyn Mayer	Cái	"Canuyn mayer các số Chất liệu Polyethylene cao cấp, không độc hại, không gây dị ứng - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương miệng - Hình dạng ống cong 30 độ, có chế độ hãm miệng - Đã tiệt trùng - Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê - Có các mã màu để phân biệt size số Tiêu chuẩn: ISO13485"	6	
16	Canuyn mở khí quản nhựa các số	Cái	- Có tác dụng kiểm soát đường thở chắc chắn, an toàn và giúp thực hiện thông khí cơ học hỗ trợ. Bệnh nhân suy hô hấp hoặc không đủ tiêu chuẩn hoặc thất bại với thông khí không xâm nhập nên được đặt nội khí quản và thông khí cơ học - Canuyn có bóng trong suốt với thể tích lớn nhưng áp lực thấp, có dây cố định, tiệt khuẩn, có thể tháo rời để làm sạch, tránh nghẹt tắc đờm - Được tạo bởi nhựa PVC nhạy cảm nhiệt: Tạo sự đủ cứng cho lần đưa vào đầu tiên và sau đó mềm ở nhiệt độ cơ thể để phù hợp với giải phẫu của từng bệnh nhân. Chất liệu mềm mại không gây kích ứng và dễ thích nghi với nhiệt độ cơ thể giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái - Hoạt động tốt nhất của thiết diện cuff là điều chỉnh động học đối với áp lực và các điểm tiếp xúc trong chu kỳ thở, giảm nguy cơ gây tổn thương khí quản - Vạch cân quang màu xanh chạy dọc thân ống cho phép có thể xác nhận vị trí của canuyn - Được tiệt trùng bằng khí EO, không gây độc, không gây kích ứng - Được đóng gói riêng lẻ trong hộp bảo vệ, là loại sử dụng 01 lần. - Các số từ 3.0-9.0	21	

17	Ống nội khí quản có bóng các các số	Cái	Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Có thể sử dụng ống ≤ 29 ngày. Đầu ống nổi 15mm, vạch đánh dấu độ sâu dọc theo thân ống, đường cong sinh lý vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn với mắt Murphy eye. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị vị trí dây thanh âm. Hiệu suất bóng tại 27 PA (CmH₂O) theo tiêu chuẩn ISO 5361: với ống 3.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 6.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =264.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 520.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =612ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 954ml/h); với ống 3.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =171.7ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 917.3ml/h; với đường kính khí quản tối đa 8.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =248ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 532ml/h); với ống 4.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =67.6ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 611.1ml/h; với đường kính khí quản tối đa 8.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =248.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 532.0ml/h); với ống 4.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 10.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =550.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 971.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 12.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =801ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 1136.0ml/h); với ống 5.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 14mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =185.5ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 328.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 18mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =238.4ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 361.7ml/h); với ống 5.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 15mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =218.7ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 326.5ml/h; với đường kính khí quản tối đa 20mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =302.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 547.0ml/h); với ống 6.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 16mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =430.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 638.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =507.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 798.0ml/h); với ống 6.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 17mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =326.3ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 426.7ml/h; với đường kính khí quản tối đa 23mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =156.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 338.0ml/h); với ống 7.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 18mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =359.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 568.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 25mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =381.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 719.0ml/h); với ống 7.5mm (với đường kính	792
----	-------------------------------------	-----	---	-----

			khí quản tối thiểu 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =379.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 555.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 27mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =211.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 450.0ml/h); với ống 8.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =237.6ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 356.1ml/h; với đường kính khí quản tối đa 28mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =237.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 434.0ml/h); với ống 8.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 23mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =303.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 554.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 30mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =67.8ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 380.6ml/h). Các ống: 3.0mm (đường kính ngoài 4.4mm, đường kính bóng 7.8mm, chiều dài 160mm); 3.5mm (đường kính ngoài 5.0mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 180mm);4.0mm (đường kính ngoài 5.7mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 200mm);4.5mm (đường kính ngoài 6.3mm, đường kính bóng 13.0mm, chiều dài 220mm); 5.0mm (đường kính ngoài 6.9mm, đường kính bóng 20.9 mm, chiều dài 240mm); 5.5mm(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 21.8 mm, chiều dài 270mm), 6.0mm (đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 23.9 mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.9mm, đường kính bóng 24.7 mm, chiều dài 290mm), 7.0mm (đường kính ngoài 9.5mm, đường kính bóng 28.2 mm, chiều dài 300mm), 7.5mm (đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 28.7mm, chiều dài 310mm), 8.0mm (đường kính ngoài 10.8mm, đường kính bóng 32.3 mm, chiều dài 320mm), 8.5mm (đường kính ngoài 11.4mm, đường kính bóng 32.9 mm, chiều dài 330mm)		
18	Ống thông tiểu 1 nhánh	Cái	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên. Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. Hai lỗ lớn ở đầu ống được đặt chính xác giúp thoát nước hiệu quả. Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. Size: 06 Fr - 24 Fr	1 020	
19	Ống thông tiểu 2 nhánh	Cái	- 100% chất liệu cao su tự nhiên dùng trong y tế chất lượng cao phủ dầu silicon, tốt cho bệnh nhân - Phân biệt kích thước bằng màu sắc - Được phủ hydrophilic. - An toàn cho bệnh nhân - Chiều dài phổ: 40mm. Dung tích bóng 5-30ml - Bóng đối xứng, đàn hồi tốt, hình trụ (đồng tâm) bóng căng đều được thiết kế chống vỡ, tránh bị dính khi đặt lâu và giảm kích thước bằng quang. - Mặt sau dày hơn, chống gãy gấp - Thời gian trong cơ thể người nhiều nhất 7 ngày - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói tiệt trùng	1 490	

			- Chất liệu bao bì từ PE + giấy, đã được vô trùng.		
20	Ống thông tiểu 3 nhánh	Cái	"Sonde foley 3 nhánh 16Fr-24Fr Bề mặt: - Bề mặt nhẵn mịn, đầu ống tròn, mềm không gây tổn thương, giảm kích ứng khi dùng cho bệnh nhân. - 100% chất liệu cao su y tế chất lượng cao phủ silicon, tốt cho bệnh nhân - Lớp phủ Silicon ngăn cách giữa trực ống bằng cao su và niệu đạo của người bệnh gia tăng tính tương thích sinh học - Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, độ mềm vừa phải dễ đặt - Tiết trùng bằng khí EO đóng gói vô khuẩn từng cái - Đường kính trong phủ silicon, tránh tắc ống - Kích thước đầu tip: trong khoảng 15mm-25mm. Chiều dài đầu phễu 40mm Bóng: - Bóng đối xứng (đồng tâm), căng đều được thiết kế chống vỡ hoặc dính - Dung tích bóng 30ml - Không bị vỡ, bong bóng hay rò rỉ sau khi nhúng vào nước tiểu trong 7 ngày Van và loại van: Van cao su mềm"	58	
21	Ống thông niệu quản	Cái	Nguyên liệu polyurethan giúp lòng trong rộng dẫn lưu tối đa, ống thông có màu xanh để quan sát, một bộ ống thông bao gồm ống thông và bộ trợ đẩy, 2 lỗ mở ở cuối 2 đầu JJ giúp dẫn lưu tốt, có lỗ 2 bên, có vạch chia chiều dài. Các cỡ từ 5Fr đến 8Fr, dài 26cm, các cỡ, lưu 6 tháng đến 12 tháng.	21	
22	Dây dẫn lưu silicon vô trùng	Cái	Đường kính ngoài ống Ø10mm, đường kính trong Ø 7mm chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất; thành ống chơn láng k gấp gập; tiêu chuẩn ISO 13485	69	
23	Dây dẫn lưu đường mật	Cái	Ống làm bằng cao su để kích thích quá trình tạo đường hầm. Không quá mềm để có thể bị bẹp, cũng không quá cứng để có thể làm tổn thương nội tạng hay các mô của cơ thể. Không gây kích thích hay phản ứng mô của cơ thể. Bề mặt trơn láng để giảm thiểu nguy cơ nhiễm trùng.	20	

24	Dây máu thận nhân tạo	Cái	- Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex. Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch 2825mm, dây động mạch 3685mm. Thể tích mỗi: 138ml - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. - Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 6,35 x 9,75 x 370mm - Phù hợp với hầu hết các máy chạy thận - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485:2016	1 248	
25	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 5/0	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 5/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	579	
26	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 2/0	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 2/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	1 795	
27	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 10/0	Tép	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 10/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 10/0, dài 15 cm, kim tròn. Đóng gói vô trùng	88	
28	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 4/0	Cái	Chỉ không tiêu liền kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	8	
29	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 7/0	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 7/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	20	
30	Chỉ thép số 5	Lá	Làm từ thép không gỉ, sử dụng trong phẫu thuật chỉnh hình Chiều dài chỉ (cm): 75; Hình kim: Reverse Cutting; Loại kim: Tam giác; Chiều dài kim (mm): 55; Vòng kim: 1/	12	
31	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm, Chất liệu 90% glycolide và 10% co-lactide, lớp bao phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ được phủ silicon. Duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	613	
32	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 1/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Tiêu hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày. Đóng gói vô trùng	1 110	
33	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 4/0	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liền kim số 4/0, dài 76 cm, kim tròn 1/2, dài 20 mm, Chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide, lớp bao phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ được phủ silicon. Duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	26	

34	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 8/0	Lá	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 8/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn RB-2 dài 13 mm 1/2 vòng tròn	20	
35	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 6/0	Lá	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn RB-2 dài 13 mm 1/2 vòng tròn	15	
36	Lưỡi dao mổ các số	Cái	Lưỡi sao sắc bén dùng 1 lần. Lưỡi dao đã được tiệt trùng. Chất liệu được làm từ thép Carbon. Được tiệt trùng và được đóng gói riêng biệt. Có nhiều kiểu dáng, đầu lưỡi khác nhau, tương ứng với các size. Dành cho các cuộc phẫu thuật trong y tế. Mỗi lưỡi dao được bảo vệ bởi giấy VCI trong 1 gói giấy bạc.	3 760	
37	Thủy tinh thể nhân tạo	Cái	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). Màu sắc: Không màu; lọc tia cực tím (UV); Chỉ số khúc xạ = 1.53. Hãng số A: 118.8 (US Biometry) 119.3 (Optical Biometry). Đặc điểm: Thiết kế 2 còng. Còng dạng chữ C/L. Bờ vuông 360 độ. Chiều dài thủy tinh thể = 13.0mm. Đường kính vùng quang học = 6.0mm. Dải công suất: từ +0,0 D đến +40,0 D. Kích thước vết mổ = 2.2mm. Thủy tinh thể được đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE và CFS	78	
38	Phim khô y tế	Tờ	.Phim Laser được thiết kế để sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, được thiết kế để ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp mạch kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số, và hình ảnh phim số hóa. Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. - Có thể lưu trữ hình ảnh được ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30-50%RH. Phim có mật độ hình ảnh tối đa Dmax 3.0. Tương thích, phù hợp với hệ thống máy in phim Trimax - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FSC (mỹ), FSC (pháp)	3 575	
39	Phim X-quang khô y tế 20x25cm	Tờ	Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	3 705	

40	Phim X-quang khô y tế 25x30cm	Tờ	Phim X-quang laser kích thước 25*30 cm. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH	61 134	
41	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh - Dentalfilm/Ý(phim chụp răng)	Lá	Phim sử dụng trong chẩn đoán các vấn đề về nha khoa như sâu răng, viêm nướu, các vấn đề liên quan đến răng. KT 3x4cm	910	
42	Quả lọc thận nhân tạo	Quả	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Diện tích: ≥1,3 m ² . Thể tích mỗi: ≥78 ml. Hệ số siêu lọc: ≥17 (mL/giờ/mmHg). Độ dày thành sợi: ≥15 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (Qb: 300ml/min); Ure: 263 ml/min; (KoA: 778). Creatinine : 229 ml/min. Phosphate: 192 ml/min. Vitamin B12: 116 ml/min. Tiệt trùng: Tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	1 200	
43	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco Aurovisc	Ống	Là chất gel lỏng, trong suốt, hỗn hợp natri hyaluronat và muối sinh lý. - Thành phần: Natri Hyaluronat 15mg/ml - Độ thẩm thấu: 270-350 mOsm/kg - Thể tích 1ml - Đóng gói bao gồm một kim cùn 27G được khử trùng đầu cuối bằng EO	75	
44	Chất nhuộm bao Auroblue	Lọ	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, giúp quan sát tế bào thủy tinh thể với thủy tinh thể bị đục hoặc mất có đồng tử hẹp, đóng gói trong lọ vô khuẩn	11	
45	Dao phẫu thuật mắt trong mổ phaco 2.2mm-2.8mm	Cái	- Dao mổ phaco kích thước 2.2- 2.8mm, 2 mặt vát - Chất liệu thép không gỉ y tế. - Hầu như loại bỏ ánh sáng chói từ ánh sáng kính hiển vi - Đóng gói vô trùng, tay cầm nhựa, có miếng xốp bảo vệ lưỡi dao. - Đạt chứng chỉ: ISO 13485, FDA	62	
46	Nẹp mắt xích xương đòn	Cái	4-12 lỗ trái, phải, chất liệu thép không gỉ. Nẹp mắt xích dùng cho phẫu thuật xương đòn Các cỡ. Dừng vít 3,5mm	8	
47	Nẹp ngón tay chữ T 2 lỗ, 3 lỗ, 4 lỗ	Cái	2-4 lỗ trái, phải, chất liệu thép không gỉ. Nẹp chữ T, dùng cho phẫu thuật bàn ngón tay. Các cỡ. Dừng vít 3,5mm	8	
48	Nẹp ngón tay phiên bản thẳng 5 lỗ, 6 lỗ,	Cái	5-6 lỗ trái, phải, chất liệu thép không gỉ. Nẹp thẳng dùng cho phẫu thuật xương bàn ngón tay Các cỡ. Dừng vít 3,5mm	7	
49	Nẹp xương đòn chữ S 7,8,10 lỗ trái phải	Cái	7-10 lỗ trái, phải, chất liệu thép không gỉ. Nẹp chữ S dùng cho phẫu thuật xương đòn Các cỡ. Dừng vít 3,5mm	40	
50	Vít xương cứng 3,5 các cỡ	Cái	Vít xương cứng 3,5mm, chất liệu thép không gỉ, dài 16mm -20mm	155	

51	Túi camera 2 khoản	Cái	Ống nylon fi 18cm x230cm: 01 cái Túi nylon 9cm x 14cm: 01 cái Dùng để bao che thiết bị trong phẫu thuật nội soi Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 ; ISO 9001:2015 hoặc tương đương	524	
52	Đầu côn vàng 200 ul	Cái	Chất liệu PP(polypropylen) trong suốt, màu vàng, được dùng để lắp đồng bộ với micropipet 200ul dùng để hút, lấy mẫu các loại dung dịch	14 300	
53	Đầu côn xanh 1000 ul	Cái	Chất liệu PP(polypropylen) trong suốt, màu xanh, được dùng để lắp đồng bộ với micropipet 100ul dùng để hút, lấy mẫu các loại dung dịch	5 200	
54	Que đè lưỡi gỗ	Cái	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng. Kích thước 150mm x 20mm x 2mm. Mỗi que được đóng vào 01 túi, và được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO : 13458 - 2016 và ISO : 9001 - 2015	16 770	
55	Điện cực dán điện tim	Cái	Điện cực tim tự dính, không tiệt trùng, dùng một lần. * Thấu xạ, đặc biệt có thể dùng trong chụp cộng hưởng từ (MRI) theo điều kiện đúng trong hướng dẫn sử dụng* Thiết kế nhỏ gọn, hình chữ nhật* Điện cực có một mặt gel dẫn điện, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối bằng kim loại dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG.* Nền foam kháng nước* Nền Gel dính keo dẫn điện an toàn, có độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi, và hạn chế tối đa kích ứng da cho người bệnh* Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,...(hoặc tương đương)	6 230	
56	Clip Polyme kẹp mạch máu các cỡ	Cái	Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 7 mm đến 16 mm - Chiều dài chân clip ngoài: 17.8 mm. Độ dày chân clip: 1.29 mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1.3 mm, khi mở: 14.0 mm - Có các răng nhọn - gấp góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động	78	
57	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ ML	Cái	-Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Các vị clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kim kẹp clip - Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3,7-5,4-9,0-12,3mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE	39	

58	Mask ambu bóp bóng các cỡ	Cái	"Ambu bóp bóng người lớn Vật liệu PVC, sử dụng một lần Trọng lượng cơ thể: >40kg Thể tích nhất bóp $\geq 600\text{ml}$ Thể tích bóng: $1500\text{ml} \pm 200\text{ml}$ Kích thước (Chiều dài x Đường kính): $212\text{mm} \times 131\text{mm}$" "Ambu bóp bóng trẻ em Vật liệu PVC, sử dụng một lần Trọng lượng cơ thể: $10 \sim 30\text{kg}$ Thể tích nhất bóp $\geq 150\text{ml}$ Thể tích bóng: $550\text{ml} \pm 200\text{ml}$ Kích thước (Chiều dài x Đường kính): $146\text{mm} \times 100\text{mm}$"	6	
59	Mask thở oxy có túi	Cái	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2100\text{mm}$, lòng ống có khóa chống gấp - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có phiếu kiểm nghiệm chứng minh, Các điểm nối của mặt nạ phải chịu được lực kéo $\geq 15\text{N}$	65	
60	Mask thanh quản các cỡ	Cái	Cấu tạo gồm một ống nòng to và đầu dưới có một bóng chèn hình elip. Cho phép kiểm soát đường thở nhanh chóng. Đảm bảo cung cấp oxy tốt. Ít gây ra phản xạ ho, kích thích họng. Ít hoặc không gây ra phản xạ giao cảm	10	
61	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	- Trụ lọc: nhựa ABS - Phin lọc: Cotton tinh điện - Tiệt trùng: Bằng khí E.O - Trọng lượng: 39.5g - Hiệu quả lọc khuẩn: 99.99% - Hiệu quả lọc virus: 99.99% - ID-OD: $45.5\text{mm}-48\text{mm}$ - Đóng gói riêng lẻ tiệt trùng trong túi giấy-nhựa PE - Tương thích với máy đo chức năng hô hấp MSSA99	1 898	
62	Bóng đèn hồng ngoại Greetmed(T/20C)	Cái	Điện áp nguồn: $220\text{V AC} - 50\text{Hz}$, công suất 250W . Ánh sáng đỏ, dùng trong y tế. Đuôi đèn: E27	5	
63	Bóng đèn tử ngoại	Cái	Bóng đèn cực tím (UV) chuyên dùng trong ngành y tế. Tiệt trùng, chống nấm. Triệt tiêu vi khuẩn có hại, chống lại các loại kí sinh nguy hiểm. Làm sạch không khí trong phòng (trừ bụi). Dài $45/60/90\text{cm}$	7	

64	Ống nghiệm citrat 3,8%		Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu đen phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate được pha theo nồng độ 3,8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm đã được hút chân không. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	5 600	
65	Dây bơm máy huyết học	Cái	Chất liệu cao su, không bao gồm đầu nối. Sử dụng tương thích với các máy xét nghiệm huyết học Celtac alpha	3	
66	Ống đựng mẫu máu lắng	Ống	Ống đựng mẫu máu chứa Natri citrat, dung tích 1ml, tương thích với máy xét nghiệm máu lắng Ves-matic Easy	1 700	
67	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh các cỡ	Cái	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 16mm, cao 100mm, dày 0,6mm)	63 000	
68	Ống nghiệm lấy máu nắp nhựa	Cái	Ống nghiệm sản xuất từ nhựa Polypropylene - Thể tích ống nghiệm tùy loại : từ 2.0ml đến 9.0ml. - Nắp dây ống nghiệm: nắp nhựa, nắp bật.	15 000	
69	Băng film dính y tế trong suốt	Cái	- Băng phim trong suốt, chống thấm nước, và vi khuẩn xâm nhập - Giúp quan sát và theo dõi liên tục vùng tiêm và vùng cố định - Thông thoáng, cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm, giúp da không bị hầm bí trong suốt thời gian dán băng. - Mềm dẻo, co giãn theo chuyển động của da - Nền keo Hotmelt độ dính tốt và không gây dị ứng - Kích thước: 10cm x12cm	85	
70	Băng mực dùng cho máy huyết học	Cái	Băng mực sử dụng cho máy in laser LQ310	36	
71	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	Dây nối bơm tiêm điện Dây nối được tạo từ nhựa PVC trong suốt, mềm mại, chống xoắn Đầu khóa luer đáp ứng yêu cầu 6% độ côn theo tiêu chuẩn quốc tế Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đường kính: - ID: 2,8mm; OD: 4,0mm - ID: 1,3mm; OD: 2,8mm Chiều dài: 10cm; 25cm; 50cm; 100cm; 150cm; 200cm	205	
72	Giấy điện tim 3 căn 63mm*30m	Cuộn	Giấy điện tim 3 căn 63mm x 20m.Sử dụng trên các máy đo điện tim, máy đo điện tim gắng sức, dùng để in kết quả sau đo.	80	
73	Giấy Điện Tim 11cm	Tập	Giấy điện tim 3 căn 110mm x 20m.Sử dụng trên các máy đo điện tim, máy đo điện tim gắng sức, dùng để in kết quả sau đo.	180	
74	Giấy điện tim K80X20m(Giấy điện tim 3 căn cỡ 80mm)	Cuộn	Giấy điện tim 3 căn 80mm x 20m.Sử dụng trên các máy đo điện tim, máy đo điện tim gắng sức, dùng để in kết quả sau đo.	770	

75	Giấy in nhiệt máy sinh hóa - huyết học - nước tiểu các cỡ	Cuộn	Giấy in kết quả sinh hóa, huyết học, nước tiểu. Chất liệu: bằng giấy. Kích thước: 57mmx30mmx12mm	380	
76	Giấy in nhiệt siêu âm Unifon UPP-110S	Cuộn	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony, Mistubishi. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m	840	
77	Kẹp rốn MPV	Cái	Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Lớp rãnh trên kẹp đảm bảo kẹp chắc, không bị trơn trượt. Độ kín khít cao. Tiêu chuẩn chất lượng: GMP; FDA; ISO: 13485:2008; ISO 9001:2008	2 600	
78	Khẩu trang y tế	Cái	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, CE. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.	150 000	
79	Khóa ba chạc	Cái	1. Chịu được áp lực cao lên đến 1.23MPa (12.3bar, 178psi) tương thích với các loại dịch truyền 2. Thân làm bằng Polycarbonate. Khóa làm bằng polyethylene. Nút đẩy làm bằng Polypropylene 3. Không Pyrogenic, non Toxic 4. 1 đầu kết nối dương, 2 đầu kết nối âm, khóa xoay 360 độ 5. Tiệt trùng bằng EO 6. Tiêu chuẩn ISO/EC	450	
80	Kim chích máu	Cái	Chất liệu: Thép không gỉ. Tiệt trùng: Bằng bức xạ. Đầu kim được vát hình tam giác	2 730	
81	Kim hai cánh bướm các cỡ	Cái	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 7864:2016 (của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015	2 000	
82	Lam kính hiển vi, mài mờ một đầu, cạnh sắc	Cái	Chất liệu: Thủy tinh natri cacbonat. Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 76*26mm. Màu sắc: mài mờ. Đóng gói hút chân không chống ẩm mốc. Dùng cho quan sát kính hiển vi	1 300	
83	Lam kính xét nghiệm	Cái	Chất liệu: Thủy tinh natri cacbonat. Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 76*26mm. Màu sắc: Trong suốt. Đóng gói hút chân không chống ẩm mốc. Dùng cho quan sát kính hiển vi	4 030	
84	Lưới (màng nâng) dùng trong điều trị thoát vị , vá thành bụng cỡ 15 x 15	Miếng	Làm từ polypropylene có khả năng dung nạp tốt với cơ thể. được sản xuất từ các sợi cao phân tử monofilament. Có độ dày 0,3-0,6 mm. KT 15x15cm	15	
85	Lưới điều trị thoát vị Duzey polypropylene Mesh (lưới	Miếng	Làm từ polypropylene có khả năng dung nạp tốt với cơ thể. được sản xuất từ các sợi cao phân tử monofilament. Có độ dày 0,3-0,6 mm. KT 7,5x15cm	30	

	thường) cỡ 7.5x15cm				
86	Mũ phẫu thuật, tiệt trùng	Cái	Vật liệu: vải không dệt 100% Polypropylene có tác dụng chống tĩnh điện, kháng tia cực tím, chống ẩm. Dây chun có tính đàn hồi tốt tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. Chất liệu vải dệt mỏng, thoáng khí, mỏng nhẹ.	5 200	
87	Nhiệt Kế thủy tinh	Cái	Nhiệt kế đo nhiệt độ trực tiếp, hoạt động dựa trên nguyên lý giãn nở của thủy ngân theo nhiệt độ. Cấu tạo của nhiệt kế gồm có bầu chứa thủy ngân, ống mao quản, bầu chứa phụ, thang chia độ. Thân nhiệt kế làm bằng thủy tinh chịu nhiệt. Phạm vi đo từ 35°C đến 42°C, giá trị độ chia không lớn hơn 0,5 °C	125	
88	Tay dao mổ điện dùng 1 lần	Cái	Mô tả: Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ Φ 2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt. Chiều dài điện cực: 70mm. Chiều dài cáp: 3m Chiều dài tay cầm: 155mm Loại chân cắm: 3 chân tròn (3 x Φ 4mm) Tiệt trùng: Bằng khí EO	26	
89	Viên sát khuẩn Presept	Viên	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương. Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ. - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên	1 500	
90	Đồng hồ Oxy kèm bình làm ấm	bộ	Đồng hồ đo lượng oxy trong bình: 01 cái. Cột đo lưu lượng khí Oxy ra: 01 cái. Bình tạo ấm khí Oxy: 01 cái (Bình chứa polyetylen có dung tích 150 lít). Đầu làm bằng polycarbonat dễ đảm bảo tính bền. Dây thở hoặc mặt nạ thở: 01 cái. Áp lực đầu vào: 15 Mpa. Áp lực đầu ra: 0,2-0,3 Mpa. Van an toàn: $0,35 \pm 0,05$ Mpa. Lưu lượng: 1-10 L / min, 1-15L / phút. Nhiệt độ tối đa 121°C áp suất 0.142MPa	4	
91	Dụng cụ kiểm tra huyết áp- người lớn	Cái	Lưu lượng bơm: 20-300mmHg, Sai số: $\pm$ 3mmHg. Hệ thống khí: Bao quấn quanh tay bằng vải có miếng dán khóa, bên trong là ruột hơi làm bằng cao su, có ống hơi và bóp bóng hơi. Tiêu chuẩn: ISO, EC	15	
92	Mỡ nội soi KY	Tuýp	Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylene Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid	100	

93	Ống nội khí quản lò xo	Cái	Ống nội khí quản lò xo công mũi miệng có bóng chèn Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt. Thân ống có vòng lò xo (stainless steel) chạy dọc thân giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn. Đầu tù an toàn, mắt Murphy trơn tù. Ống có 2 vạch đậm phía trên bóng chèn đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 đường chạy dọc thân giúp định vị ống. - Bóng thể tích lớn áp lực thấp - Cỡ 5.0mm - 9.0 mm - Đường kính trong và đường kính ngoài ống, đường kính bóng chèn và chiều dài size như sau (mm): Ống 5.0 mm, 7.5mm, 19mm, 246mm; Ống 5.5 mm, 8.2 mm, 22mm, 276mm; Ống 6.0 mm, 8.8 mm, 24mm, 286mm; Ống 6.5 mm, 9.4 mm, 26mm, 297mm; Ống 7.0 mm, 10.0 mm, 27mm, 306mm; Ống 7.5 mm, 10.6 mm, 28mm, 318mm; Ống 8.0 mm, 11.4 mm, 28mm, 327mm; Ống 8.5 mm, 12.0 mm, 29mm, 327mm; Ống 9.0 mm, 12.6 mm, 29mm, 327mm. Tiết trùng, sử dụng 1 lần. Không chứa latex Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA	20	
94	Test nhanh sốt xuất huyết		Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột ($0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}$). Keo vàng - IgY gà ($0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}$). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab ($0,64 \pm 0,20\mu\text{g}$). Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY ($0,64 \pm 0,20\mu\text{g}$). Độ nhạy 92,4% (khoảng tin cậy 95%: 86,1 - 95,9%) và độ đặc hiệu 98,4% (khoảng tin cậy 95%: 95,5 - 99,5%) so với RT-PCR. Đọc kết quả trong 15-20 phút. Không cần dung dịch pha loãng. 4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo sau không ảnh hưởng đến kết quả test thử: Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm. Giới hạn phát hiện các serotype DENV: Type 1: $1.95 \times 10^{1.375}$ TCID₅₀/ml Type 2: $1.95 \times 10^{2.25}$ TCID₅₀ /ml (910), $3.13 \times 10^{5.125}$ TCID₅₀/ml (NGC-2) Type 3: $6.25 \times 10^{6.875}$ TCID₅₀ /ml (S#25), 1.56×10^2 TCID₅₀ /ml (H87) Type 4: 1.56×10^1 TCID₅₀ /ml (814669), $1.95 \times 10^{0.75}$ TCID₅₀ /ml (480) Có nghiên cứu độ nhạy đối với lây nhiễm nguyên phát và lây nhiễm thứ phát Có nghiên cứu trên các sero-type Dengue Tiêu chuẩn ISO, CE	1 600	

95	Khay xét nghiệm định tính phát hiện Rotavirus trong mẫu bệnh phẩm phân		Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. - Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% với RT-PCR. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút Rota -chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$), vạch thử: Kháng thể thô kháng vi rút Rota ($1,260 \pm 0,252 \mu\text{g}$), vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột ($0,720 \pm 0,014 \mu\text{g}$) • Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm photphat (20 mM), Albumin huyết thanh bò (1%), Natri azua (0,01%), Natri clorua (0,1 M), Tween 20 (0,1%) - Ngưỡng phát hiện: $3.9 \times 10^{2.0}$ TCID₅₀/ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	400	
96	Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu của con người	Test	Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, cộng hợp AMP-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA, cộng hợp THC-BSA 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 $\mu\text{g/mL}$: Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Nifedipine, Uric acid	1 050	
97	Test Urease	Ống	Ống nhựa chứa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 50 ống	600	
98	Test viêm gan C	Test	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) ($1,5 \pm 0,3 \mu\text{g}$), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người ($2,0 \pm 0,4 \mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10μl - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 $^\circ\text{C}$ - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm,	800	

			Trypanosoma cruzi I /II - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55 \pm 1^\circ\text{C}$ - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List) - Đạt tiêu chuẩn: ISO		
99	Atlas Anti-D IgG/IgM Blend Reagent	Bộ	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	2	
100	Test thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên/kháng thể sốt xuất huyết	Test	Xét nghiệm Dengue DUO là 1 xét nghiệm miễn dịch sắc ký dùng để phát hiện phân biệt cả hai virus kháng thể Dengue NS1 và kháng thể IgG và IgM kháng virus Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. • Dễ dàng sử dụng (kết quả xét nghiệm: 15-20 phút) - NS1: Độ nhạy 92,4% và độ đặc hiệu 98,4% so với RT-PCR. - IgG/IgM: Độ nhạy 94,2%, Độ đặc hiệu 96,4% so với phương pháp ELISA Thành thử Dengue NS1 Ag: - Phức hợp vàng: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab ($0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}$), chất keo vàng IgY từ gà ($0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}$), vạch thử: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab ($0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}$), vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY ($0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}$) Thành thử Dengue IgG/IgM - Phức hợp vàng: Kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue Ab - chất keo vàng ($0,467 \pm 0,014 \mu\text{g}$), Kháng thể chuột kháng Ab - chất keo vàng ($0,002 \pm 0,001 \mu\text{g}$), vạch thử G: Kháng thể chuột đơn dòng kháng người IgG ($0,512 \pm 0,154 \mu\text{g}$), vạch thử M: Kháng thể chuột đơn dòng kháng người IgM ($0,32 \pm 0,10 \mu\text{g}$), vạch chứng: IgG dê kháng chuột ($0,576 \pm 0,173 \mu\text{g}$) • Dung dịch pha loãng bao gồm: 100mM dung dịch đệm phosphate (q.s.), natri azua ($0,01 \text{ w/v\%}$) • Tuổi thọ và nhiệt độ bảo quản: 24 tháng ở 1-30°C. Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên cả nhóm bệnh nhân nhiễm nguyên phát và nhiễm thứ phát. Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên các sub-type DENV Tiêu chuẩn ISO, CE	600	

101	Que thử đường huyết	Test	Dùng kiểm tra đường huyết cho bệnh nhân; tương thích với máy thử đường huyết GE 200	1 000	
102	Nước Giaven	Lít	Javen 10-12%, có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng	500	
103	Citric Acid	g	Thành phần chính: Acid Citric ($C_6H_8O_7$). Bao gói bằng nhựa PP, trong cùng có lớp PE. Khối lượng tịnh 25kg/bao	1 040 000	
104	Dung dịch Acid acetic	Chai	Thành phần acid acetic (CH_3COOH) 3%, sử dụng để rửa quả lọc thận nhân tạo	15	
105	Dung dịch Formol	Chai	Thành phần $HCHO$, dung dịch 37%, để làm chất khử khuẩn mức độ cao hay chất diệt khuẩn	4	
106	Muối tái sinh	Kg	Muối viên, trắng không màu, không mùi. Sử dụng hoàn nguyên trong quá trình lọc nước RO.	300	
107	Vôi Soda Lime	Can	Hỗn hợp calci hydroxyd và natri hydroxyd dùng để hấp thu CO_2 trong gây mê	3	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn – Tổ dân phố Xuân Hòa – Phường Hải Hòa – Thị xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà cung cấp chịu trách nhiệm vận chuyển đến địa điểm cung cấp. Chi phí vận chuyển tính vào giá chào giá. Hàng được giao phải mới 100%, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện.

- Yêu cầu về lắp đặt, bảo quản: Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về việc lắp đặt và hướng dẫn bảo quản theo đúng quy định của nhà sản xuất.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng (360 ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không

- Thanh toán hợp đồng: Chủ đầu tư thanh toán cho cung cấp trong vòng 30-60 ngày sau khi nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác.

Các đơn vị báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
Lê Kim Đức

**TÊN ĐƠN VỊ BẢO
GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BG-

Địa danh, Ngày Tháng Năm

BẢO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ¹ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))